

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 48

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty

### 1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1402/QĐ-UB ngày 03 tháng 4 năm 2002 của UBND Tp. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302664945 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 22 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch sàn Upcom.

Mã chứng khoán CGP.

Hiện nay, công ty đã đăng ký huỷ giao dịch chứng khoán kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo thông báo số 812/TB-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 7 năm 2019 .

Vốn điều lệ : 110.000.000.000 VND.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Lầu 2, khu 2F-C1, toà nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : + 84-(28) 39798750

Fax : + 84-(28) 38248655

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác. Cho thuê xe có động cơ.



#### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

##### 4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Phan Thị Hồng Liên	Chủ tịch		
Ông Trần Cung	Thành viên		
Ông Dương Minh Dũng	Thành viên		22/6/2019
Ông Ngô Phi Hậu	Thành viên		
Ông Hoàng Mạnh	Thành viên		22/6/2019
Ông Trần Thiện Văn	Thành viên	22/6/2019	
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Thành viên	22/6/2019	

##### 4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Huỳnh Công Triết	Trưởng ban		
Bà Phan Thị Ánh	Thành viên		
Ông Lê Hoàng Rin	Thành viên	22/6/2019	
Bà Trần Thị Bích Loan	Thành viên		22/6/2019

##### 4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Tổng Giám đốc	15/5/2019	
Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc		15/5/2019
Ông Ngô Phi Hậu	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng Giám đốc		15/5/2019
Ông Hồ Xuân Bình	Kế toán trưởng		

## 5. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	từ ngày	Đến ngày
Ông Trần Cung	01/01/2019	21/5/2019
Bà Trần Ngọc Lan Trang	22/5/2019	đến nay

## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 48.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang làm thủ tục giải thể theo phương án giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động không liên tục do công ty đang làm thủ tục giải thể theo phương án giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

3303  
CỔ  
PHẦN  
HÀCH  
SỐ TÀI  
CHÍNH  
CHỦ  
S - T

## 10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020.*

**TM. Hội đồng quản trị**



---

**PHAN THỊ HỒNG LIÊN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

128  
ĐANG  
THỰC HIỆN  
ÁN V  
ẤN  
S. H

Số: 2175/20/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở việc từ chối đưa ra ý kiến

- Đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận của các khoản phải thu của khách hàng với số tiền 54.234.607.359 VND, trả trước cho người bán với số tiền 56.525.000 VND, phải thu khác với số tiền 7.195.778.525 VND, phải trả người bán với số tiền 927.381.963 VND, người mua trả tiền trước với số tiền 580.931.265 VND, phải trả khác với số tiền 2.499.794.688 VND. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể xác định tính chính xác các khoản này tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên đến Bảng cân đối kế toán cũng như ảnh hưởng của nó đến kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, theo số liệu công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 51.915.029.246 VND, đây là khoản nợ quá hạn từ các năm trước, chúng tôi không có cơ sở xác định khoản nợ gốc do chưa nhận được thư xác nhận. Nếu xác định được số tiền dự phòng và việc trích lập được thực hiện sẽ ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán Số đầu năm chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" – mã số 137 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" – mã số 421a với số tiền tương ứng. Đồng thời, các khoản phải thu lâu năm này sẽ được trình bày lại theo số thực tế có thể thu hồi.
- Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ có kế hoạch giải thể công ty và đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty sở hữu tại công ty CP US Pharma USA cho các cổ đông hiện hữu với số tiền 108.000.000.000 VND (tương đương 10.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cp). Số tiền chuyển nhượng này được theo dõi ở tài khoản phải thu khác Công ty, khoản phải thu này sẽ được cán trừ 100% giá trị thanh toán vào giá trị còn lại phải trả cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ khi giải thể.

175  
TY  
HỮU  
À TU  
VIỆ  
3/20

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến từ chối về Báo cáo tài chính đó tại ngày 30 tháng 3 năm 2019. Ý kiến từ chối liên quan đến Công ty chưa đối chiếu công nợ các khoản Phải thu của khách hàng, Trả trước cho người bán, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn khác, Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước, Phải trả ngắn hạn khác và chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020.*

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized cursive name.

ThS. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN số: 1523-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nga - Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN số: 0351-2018-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	A-	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
110	<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>5.650.424.168</b>	<b>3.788.360.325</b>
111	1.	Tiền		5.650.424.168	3.788.360.325
112	2.	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>		<b>-</b>	<b>108.000.000.000</b>
123	1.	Đầu tư vào công ty con	V.2	-	108.000.000.000
130	<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>		<b>170.388.124.190</b>	<b>65.988.589.635</b>
131	1.	Phải thu của khách hàng	V.3	55.448.645.465	57.471.433.909
132	2.	Trả trước cho người bán	V.4	139.525.000	216.625.000
137	3.	Phải thu khác	V.5	114.799.953.725	8.300.530.726
140	<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>3.274.662.568</b>	<b>5.375.978.080</b>
141	1.	Hàng tồn kho		3.274.662.568	5.375.978.080
150	<b>V.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>384.916.674</b>	<b>468.416.680</b>
151	1.	Tài sản cố định hữu hình	V.7	384.916.674	468.416.680
152	2.	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
153	3.	Tài sản cố định vô hình		-	-
160	<b>VI.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	V.8	<b>30.953.715.412</b>	<b>32.833.801.346</b>
170	<b>VII.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
180	<b>VIII.</b>	<b>Tài sản khác</b>		<b>6.305.321.166</b>	<b>8.952.367.238</b>
181	1.	Chi phí trả trước	V.9	6.109.746.855	7.478.513.222
182	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
183	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	195.574.311	195.574.311
185	4.	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.10	-	1.278.279.705
100		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>216.957.164.178</b>	<b>225.407.513.304</b>

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ**

Địa chỉ: Lầu 2, khu 2F-C1, tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>B- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>158.844.072.312</b>	<b>168.513.308.546</b>
311	1. Phải trả người bán	V.11	54.897.538.767	35.618.798.189
312	2. Người mua trả tiền trước	V.12	70.672.325.838	21.324.941.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	2.460.076.113	931.488.200
315	4. Chi phí phải trả	V.14	1.413.126.873	1.077.073.022
319	5. Phải trả khác	V.15	27.563.099.068	55.608.409.920
320	6. Vay và nợ thuê tài chính	V.16	1.815.490.475	53.930.182.099
321	7. Dự phòng phải trả		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	V.17	22.415.178	22.415.178
	<b>C NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>58.113.091.866</b>	<b>56.894.204.758</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>58.113.091.866</b>	<b>56.894.204.758</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		107.357.080.000	107.357.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		107.357.080.000	107.357.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.384.118.384	2.384.118.384
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(51.628.106.518)	(52.846.993.626)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(52.846.993.626)	(67.351.921.147)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.218.887.108	14.504.927.521
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>216.957.164.178</b>	<b>225.407.513.304</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

NGUYỄN ANH TUẤN

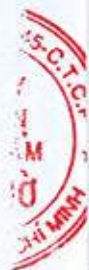
Kế toán trưởng

HỒ XUÂN BÌNH

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC LAN TRANG



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

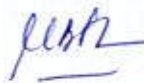
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	86.366.261.195	106.369.321.293
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	13.343.687	311.377.481
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.352.917.508	106.057.943.812
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	69.897.039.231	65.693.628.463
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.455.878.277	40.364.315.349
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	5.562.916	5.001.161.496
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	(4.468.197.186)	6.355.795.439
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.576.892.593)	6.094.338.207
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	6.420.844.925	6.063.053.902
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	8.616.985.059	16.027.545.437
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.891.808.395	16.919.082.067
31	11. Thu nhập khác	VI.8	183.598.413	-
32	12. Chi phí khác	VI.9	468.298.209	6.961.050
40	13. Lợi nhuận khác		(284.699.796)	(6.961.050)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.607.108.599	16.912.121.017
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	3.109.941.787	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	1.278.279.704	2.407.193.496
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.218.887.108	14.504.927.521
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	114	1.351
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	114	1.351

Người lập biểu



NGUYỄN ANH TUẤN

Kế toán trưởng



HỒ XUÂN BÌNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC LAN TRANG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		5.607.108.599	16.912.121.017
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		(2.777.376.112)	12.088.161.416
02	- Khấu hao tài sản cố định và BDSĐT	V.8	1.963.585.940	2.029.107.342
03	- Các khoản dự phòng		-	8.702.919.303
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(433.095)	261.796.564
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(163.636.364)	(5.000.000.000)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	(4.576.892.593)	6.094.338.207
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		2.829.732.487	29.000.282.433
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.235.825.150	12.964.725.388
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.6	2.101.315.512	336.052.298
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		67.915.195.016	18.027.457.625
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	1.368.766.367	1.401.867.295
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.315.977.708)	(13.089.294.694)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(1.689.887.816)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>51.444.969.008</b>	<b>48.641.090.345</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(501.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		163.636.364	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(21.540.215.209)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		642.920.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.000.000.000	3.001.161.496
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.806.556.364</b>	<b>(19.040.053.713)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.16	8.728.706.902	41.227.268.128
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.16	(60.843.398.526)	(67.488.676.731)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(275.203.000)	(28.459.740)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(52.389.894.624)</b>	<b>(26.289.868.343)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>1.861.630.748</b>	<b>3.311.168.289</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>3.788.360.325</b>	<b>476.839.848</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		433.095	352.188
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>5.650.424.168</b>	<b>3.788.360.325</b>

Người lập biểu

NGUYỄN ANH TUẤN

Kế toán trưởng

HỒ XUÂN BÌNH



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.
- Bán buôn thực phẩm.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa.
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác.
- Cho thuê xe có động cơ.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty có các hoạt động ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính như:

- Công ty chuẩn bị giải thể, chấm dứt hoạt động theo Phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

2017  
ĐĂNG T  
NHÌEM H  
ÁN VÀ T  
ẤN V  
P. HỒ

3028  
CÔNG  
CỔ P  
CƠ F  
ẤN  
TP.H

- Doanh thu cho thuê nhà máy trong năm với số tiền 9.006.000.000 VND (doanh thu cho thuê nhà máy năm trước 32.000.000.000 VND). Do công ty điều chỉnh giá trị cho thuê trong phụ lục hợp đồng.
- Trong năm, công ty được ngân hàng TMCP và một số doanh nghiệp khác miễn giảm lãi tiền vay với số tiền 6.646.880.458 VND.
- Và trong năm, công ty không nhận được cổ tức từ công ty con (năm trước cổ tức được chia với số tiền 5.000.000.000 VND).

## 6. Lý do không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Công ty chuẩn bị giải thể theo Phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019.

## 7. Cấu trúc Công ty

*Công ty con.*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP US Pharma USA	Lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	0%	66,91%	0%	66,91%

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Dược phẩm Cần Giờ	Số 64 đường Duyên Hải, Kp Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, TP.HCM.
Gian hàng F16 TTTM Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP.HCM.

## 8. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính

Do năm trước Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc của Công ty hoạt động liên tục. Năm báo cáo này vì Công ty chuẩn bị giải thể, chấm dứt hoạt động theo Phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019 nên trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

## 9. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 41 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 47 nhân viên).

S. C. N  
Y  
HÀ  
UV  
IET  
CHI

42  
TY  
AN  
HAI  
GIÒ  
CH



Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các chỉ tiêu liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại các khoản đầu tư trên. Công ty không phải trình bày chỉ tiêu “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” do số dự phòng được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Công ty tái phân loại các khoản phải thu dài hạn thành các khoản phải thu ngắn hạn.

Các khoản phải thu được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi. Công ty chưa lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi nên các khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ (công ty không có đánh giá lại các khoản phải thu do công ty không có điều kiện thực hiện) trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty không trình bày chỉ tiêu “Dự phòng phải thu khó đòi” do số dự phòng được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của các khoản phải thu

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc (công ty không có đánh giá lại hàng tồn kho do công ty không có điều kiện thực hiện) và giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm báo cáo.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Doanh nghiệp không trình bày chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” do số dự phòng giảm giá được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

## 6. Chi phí trả trước

Công ty tái phân loại chi phí trả trước dài hạn thành chi phí trả trước ngắn hạn.

Các khoản chi phí trả trước chưa phân bổ hết như công cụ dụng cụ xuất dùng được ghi giảm toàn bộ để tính vào chi phí trong năm.

Riêng chi phí trả trước liên quan đến việc thuê tài sản được phân bổ phù hợp với thời gian trả trước thực tế còn lại cho đến khi Công ty thanh lý tài sản (nhà máy).

## 7. Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình được trình bày theo giá trị ghi sổ nguyên giá (công ty không có đánh giá lại TSCĐ hữu hình do công ty không có điều kiện thực hiện) trừ đi các khoản hao mòn lũy kế.

Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của TSCĐ được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản, công ty không sử dụng tài khoản khấu hao để phản ánh hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

### *Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	06 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

## 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo giá trị ghi sổ nguyên giá (công ty không có đánh giá lại TSCĐ hữu hình do công ty không có điều kiện thực hiện) trừ đi các khoản hao mòn lũy kế.

Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của Bất động sản đầu tư được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản, công ty không sử dụng tài khoản khấu hao để phản ánh hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

0303  
C  
TRÁCH  
IỂM T  
CHI  
V.S.

M.S.  
\*

đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng 10 - 40 năm

Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư được xác định theo thời gian hữu dụng ước tính và sẽ xử lý khi Công ty thanh lý tài sản (nhà máy) tại thời điểm giải thể công ty.

## 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Công ty tái phân loại nợ phải trả, vay dài hạn thành nợ phải trả, vay ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả, vay được trình bày theo giá trị ghi sổ (công ty không có đánh giá lại các khoản phải thu do công ty không có điều kiện thực hiện)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Thực hiện trích dự phòng vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh đối với các khoản trợ cấp thôi việc khi công ty chấm dứt hoạt động.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

128  
ÔNG  
HIỆN  
DÂN  
JAN  
TP. H

11:030  
C  
G  
D  
G  
QUAN 10

**10. Quỹ lương**

Quỹ lương được trả theo Hợp đồng lao động.

**11. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng dược phẩm và trang thiết bị y tế***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

175.  
TY  
HỮU  
À TU  
VIỆ  
C  
6648  
NG T  
PH  
C PH  
ING  
TP.HC

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm khoản hàng bán bị trả lại.

### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

### **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay,.... Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### **18. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

## 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

## 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 21. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

## 23. Số liệu so sánh

Do năm trước Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc của Công ty hoạt động liên tục. Năm nay vì Công ty chuẩn bị giải thể, chấm dứt hoạt động theo Phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019 nên trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

Và một vài số dư trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
315	Chi phí phải trả	54.033.247.703	1.077.073.022	(52.956.174.681)
319	Phải trả khác	2.652.235.239	55.608.409.920	52.956.174.681
<b>CỘNG</b>		<b>56.685.482.942</b>	<b>56.685.482.942</b>	-

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	907.110.240	1.665.906
1.2	Tiền gửi ngân hàng	4.743.313.928	3.786.694.419
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>5.650.424.168</b>	<b>3.788.360.325</b>

Công ty không có Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm bị phong tỏa.

### 2. Đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	108.000.000.000	108.000.000.000	-
Công ty CP US Pharma USA <sup>(1)</sup>	-	-	-	108.000.000.000	108.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>108.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	-

<sup>(1)</sup> Trong năm, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22 tháng 6 năm 2019, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ có kế hoạch giải thể công ty và đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty sở hữu tại công ty CP US Pharma USA cho các cổ đông hiện hữu với số tiền 108.000.000.000 VND (tương đương 10.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cp). Số tiền chuyển nhượng này được theo dõi ở tài khoản phải thu khác Công ty, khoản phải thu này sẽ được căn trừ 100% giá trị thanh toán vào giá trị còn lại phải trả cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ khi giải thể.

*Tình hình hoạt động của các công ty liên quan*

Công ty con hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

*Giao dịch với các công ty liên quan*

Các giao dịch giữa Công ty với công ty liên quan như sau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty CP US Pharma USA</i>		
Mua hàng hoá	59.969.671.865	58.885.175.814
Trả tiền mua hàng hoá	(32.475.434.139)	(36.349.449.436)
Bù trừ công nợ	-	15.875.067.288
Nhận trước tiền bán nhà máy	49.393.400.000	20.640.000.000
Phải thu tiền cho thuê nhà máy	9.906.600.000	35.200.000.000
Đã thu tiền cho thuê nhà máy	(9.906.600.000)	(35.200.000.000)
Chi hộ tiền lãi hỗ trợ cổ đông thanh toán tiền mua cổ phiếu Công ty CP US Pharma USA	258.462.200	-
Thu tiền chi hộ tiền lãi hỗ trợ cổ đông thanh toán tiền mua cổ phiếu Công ty CP US Pharma USA	(11.367.500)	-
Phải thu cổ tức năm 2017 và Năm 2018	-	5.000.000.000
Đã thu cổ tức năm 2017 và Năm 2018	(2.000.000.000)	(3.000.000.000)

Công ty không có Khoản đầu tư tài chính được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

*Cam kết góp vốn*

Công ty không có cam kết góp vốn trong tương lai.



### 3. Phải thu của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>55.448.645.465</b>	<b>57.471.433.909</b>
Công ty TNHH Dược phẩm Việt (*)	13.993.827.803	13.993.827.803
Công ty TNHH DP và Mỹ phẩm Mỹ Trung (*)	8.775.792.145	8.775.792.145
Công ty CP Dược phẩm Trung Phần C.G (*)	6.104.779.448	5.839.894.836
Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ- CN Cần Thơ (*)	6.926.830.866	6.926.830.866
Các khách hàng khác (*)	19.647.415.203	21.935.088.259
<b>Cộng</b>	<b>55.448.645.465</b>	<b>57.471.433.909</b>

Không có các khoản phải thu của khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

(\*) Là các khoản nợ phải thu lâu năm, chưa có xác nhận. Công ty chưa lập dự phòng

Các khoản nợ phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị ghi sổ (công ty không có đánh giá lại các khoản phải thu do công ty không có điều kiện thực hiện) trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập với số tiền 6.062.308.709 VND.

### 4. Trả trước cho người bán

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các khách hàng khác</i>	<b>139.525.000</b>	<b>216.625.000</b>
Công ty CP Us Pharma Hà Nội	41.400.000	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Trần Phạm & Cộng sự	50.000.000	91.500.000
Các nhà cung cấp khác	48.125.000	125.125.000
<b>Cộng</b>	<b>139.525.000</b>	<b>216.625.000</b>

Không có các khoản trả trước cho người bán được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## 5. Phải thu khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>247.094.700</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty CP US Pharma USA	247.094.700	2.000.000.000
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>114.552.859.025</b>	<b>6.300.530.726</b>
Phải thu của cổ đông <sup>(1)</sup>	107.357.080.000	-
Ký cược, ký quỹ	215.552.728	199.744.088
Tạm ứng <sup>(*)</sup>	1.461.145.277	596.460.278
Công ty Lyka Labs <sup>(*)</sup>	1.989.592.240	1.989.592.240
Quỹ khen thưởng <sup>(*)</sup>	1.791.082.857	1.791.082.857
Phải thu khác <sup>(*)</sup>	1.738.405.923	1.723.651.263
<b>Cộng</b>	<b>114.799.953.725</b>	<b>8.300.530.726</b>

<sup>(1)</sup> Công ty có kế hoạch giải thể và đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các cổ đông hiện hữu với số tiền 108.000.000.000 VND (tương đương 10.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng), khoản phải thu này sẽ được căn trừ 100% giá trị thanh toán vào giá trị còn lại phải trả cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ khi giải thể.

<sup>(\*)</sup> Khoản phải thu lâu năm.

Các khoản nợ phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ (công ty không có đánh giá lại các khoản phải thu do công ty không có điều kiện thực hiện)

Không có Các khoản phải thu khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## 6. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	3.274.662.568	-	5.375.978.080	-
<b>Cộng</b>	<b>3.274.662.568</b>	<b>-</b>	<b>5.375.978.080</b>	<b>-</b>

Trong đó:

- Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>378.933.000</b>	<b>501.000.000</b>	<b>2.441.808.684</b>	<b>266.277.188</b>	<b>3.588.018.872</b>
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	1.112.583.041	-	1.112.583.041
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>1.112.583.041</i>	-	<i>1.112.583.041</i>
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>378.933.000</b>	<b>501.000.000</b>	<b>1.329.225.643</b>	<b>266.277.188</b>	<b>2.475.435.831</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	378.933.000	-	1.329.225.643	266.277.188	1.974.435.831
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>378.933.000</b>	<b>32.583.320</b>	<b>2.441.808.684</b>	<b>266.277.188</b>	<b>3.119.602.192</b>
2. Tăng trong năm	-	83.500.006	-	-	83.500.006
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>83.500.006</i>	-	-	<i>83.500.006</i>
3. Giảm trong năm	-	-	1.112.583.041	-	1.112.583.041
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>1.112.583.041</i>	-	<i>1.112.583.041</i>
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>378.933.000</b>	<b>116.083.326</b>	<b>1.329.225.643</b>	<b>266.277.188</b>	<b>2.090.519.157</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	-	<b>468.416.670</b>	-	-	<b>468.416.670</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	<b>384.916.674</b>	-	-	<b>384.916.674</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

*Trong đó:*

- Công ty không có tài sản cố định dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty có cam kết sẽ chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chuyển nhượng (nhà máy) tại B1-10 Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân Hội An, huyện Củ Chi, TPHCM cho Công ty CP US Pharma USA theo Biên bản ghi nhớ số 01/2018/BBGN ngày 28 tháng 12 năm 2018.

## 8. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Cơ sở hạ tầng	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	60.756.649.248	60.756.649.248
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	60.756.649.248	60.756.649.248
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Số đầu năm	27.922.847.902	27.922.847.902
2. Tăng trong năm	1.880.085.934	1.880.085.934
Khấu hao trong năm	1.880.085.934	1.880.085.934
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	29.802.933.836	29.802.933.836
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	32.833.801.346	32.833.801.346
2. Tại ngày cuối năm	30.953.715.412	30.953.715.412

### Trong đó

- Công ty không có bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.
- Công ty sẽ chuyển nhượng về Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chuyển nhượng (nhà máy) tại B1-10 Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân Hội An, huyện Củ Chi, TPHCM cho Công ty US Pharma USA theo Biên bản ghi nhớ số 01/2018/BBGN ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa tìm được công ty định giá phù hợp để thực hiện công việc này.

Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư được xác định theo thời gian hữu dụng ước tính và sẽ xử lý khi Công ty thanh lý tài sản (nhà máy) tại thời điểm giải thể công ty.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	9.006.000.000	28.000.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(1.963.585.940)	(1.968.373.770)
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.042.414.060</b>	<b>26.031.626.230</b>

**9. Chi phí trả trước**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	2.585.493.072	3.878.239.590
Chi phí thuê đất	3.079.502.216	3.174.744.549
Chi phí thuê văn phòng	32.444.363	-
Các khoản khác	412.307.204	425.529.083
<b>Cộng</b>	<b>6.109.746.855</b>	<b>7.478.513.222</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.478.513.222	8.880.380.517
Tăng trong năm	667.294.531	621.124.439
Phân bổ trong năm	(2.036.060.898)	(2.022.991.734)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.109.746.855</b>	<b>7.478.513.222</b>

**10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.278.279.705	(1.278.279.705)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.278.279.705</b>	<b>(1.278.279.705)</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

030  
TRẮC  
KIỂM  
CH  
TAY 5

84943  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM  
CẦN GIỜ  
PHƯỚC

**11. Phải trả người bán**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>39.369.063.051</b>	<b>11.688.584.663</b>
Công ty CP US Pharma USA	39.221.624.054	11.660.659.091
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn – Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	141.054.997	27.925.572
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn - Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	6.384.000	-
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>15.528.475.716</b>	<b>23.930.213.526</b>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	14.748.532.750	17.897.582.604
Các nhà cung cấp khác	779.942.966	6.032.630.922
<b>Cộng</b>	<b>54.897.538.767</b>	<b>35.618.798.189</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>15.475.885.209</b>	<b>18.624.935.063</b>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	13.315.396.828	17.897.582.604
Các nhà cung cấp khác	727.352.459	727.352.459
<b>Cộng</b>	<b>15.475.885.209</b>	<b>18.624.935.063</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước của các bên liên quan</b>	<b>70.033.400.000</b>	<b>20.640.000.000</b>
Công ty CP US Pharma USA (*)	70.033.400.000	20.640.000.000
<b>Người mua trả tiền trước của khách hàng khác</b>	<b>638.925.838</b>	<b>684.941.938</b>
Công ty CP Dược phẩm Vũ Duy	87.678.729	87.678.729
Công ty TNHH Dược phẩm Nam Huy	89.460.000	89.460.000
Các khách hàng khác	461.787.109	507.803.209
<b>Cộng</b>	<b>70.672.325.838</b>	<b>21.324.941.938</b>

(\*) Là khoản tiền nhận ứng trước về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nhà máy) theo số phát hành GCN: BA 399017 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 25 tháng 5 năm 2011 giữa bên chuyển nhượng là Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ (Bên A) và bên nhận chuyển nhượng là Công ty CP US Pharma USA (bên B) theo Biên bản ghi nhớ số 01/2018/BBGN ngày 28 tháng 12 năm 2018 với giá chuyển nhượng tạm tính là

193.000.000.000 VND. Theo đó, Bên B ứng trước cho bên A 50% theo giá chuyển nhượng tạm tính để đảm bảo giao kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Đồng thời, Hai bên đồng ý chuyển toàn bộ số tiền tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 mà bên B đã ứng trước tiền thuê nhà máy cho bên A với tổng số tiền là: 20.064.000.000 VND thành tiền đặt cọc Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ theo biên bản ghi nhớ này.

Sau khi có Nghị quyết ĐHĐCĐ của 2 công ty quyết nghị về việc mua và bán nhà máy, Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ sẽ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất; đồng thời tất toán công nợ giữa 2 bên. Nếu vì bất kỳ lý do nào bên A không tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng hoặc có vấn đề tranh chấp, khiếu nại liên quan đến lô đất nói trên thì bên A phải trả lại cho Bên B số tiền mà bên B đã ứng trước. Và ngược lại nếu bên B không tiếp tục nhận chuyển nhượng nữa thì bị mất toàn bộ số tiền đã ứng trước cho bên A.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	195.574.311	257.965.702	1.204.528.494	(1.272.884.496)	195.574.311	189.609.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.109.941.787	(1.689.887.816)	-	1.420.053.971
Thuế thu nhập cá nhân	-	673.522.498	555.345.959	(378.456.015)	-	850.412.442
Tiền thuế đất	-	-	118.750.012	(118.750.012)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.319.580	(8.319.580)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.574.311</b>	<b>931.488.200</b>	<b>4.996.885.832</b>	<b>(3.468.297.919)</b>	<b>195.574.311</b>	<b>2.460.076.113</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

#### **Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### **Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

0173  
NG T'  
KẾ M HỒ  
IN VÀ T  
ẤN V  
P. HỒ

**14. Chi phí phải trả**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.413.126.873</b>	<b>1.077.073.022</b>
Trích trước chi phí hoạt động năm 2019 (*)	492.000.000	-
Trợ cấp thôi việc của cán bộ công nhân viên	831.712.684	-
Chi phí khác	89.414.189	1.077.073.022
<b>Cộng</b>	<b>1.413.126.873</b>	<b>1.077.073.022</b>

(\*) Theo biên bản họp HĐQT số 11/2019/BBH/HĐQT -CGP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của công ty CP Dược phẩm Cần Giờ.

**15. Phải trả khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>27.563.099.068</b>	<b>55.608.409.920</b>
Chi phí lãi vay phải trả	25.063.304.380	52.956.174.681
Kinh phí công đoàn	169.748.066	97.475.644
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	739.525.660	1.028.078.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.590.520.962	1.526.680.935
<b>Cộng</b>	<b>27.563.099.068</b>	<b>55.608.409.920</b>

*Nợ quá hạn chưa thanh toán*

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.063.304.380</b>	<b>52.956.174.681</b>
Chi phí lãi vay phải trả	25.063.304.380	52.956.174.681
<b>Cộng</b>	<b>25.063.304.380</b>	<b>52.956.174.681</b>





**16. Vay và nợ thuê tài chính**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.815.490.475</b>	<b>1.815.490.475</b>	<b>53.930.182.099</b>	<b>53.930.182.099</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.000.000	93.000.000	52.207.691.624	52.207.691.624
Ngân hàng NN và PT Nông thôn - Chi nhánh TP.HCM <sup>(1)</sup>	93.000.000	93.000.000	93.000.000	93.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 (BIDV)	-	-	52.114.691.624	52.114.691.624
Vay các tổ chức và cá nhân khác	1.722.490.475	1.722.490.475	1.722.490.475	1.722.490.475
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn – SAPHARCO <sup>(2)</sup>	1.722.490.475	1.722.490.475	1.722.490.475	1.722.490.475
<b>Cộng</b>	<b>1.815.490.475</b>	<b>1.815.490.475</b>	<b>53.930.182.099</b>	<b>53.930.182.099</b>

<sup>(1)</sup> Khoản vay theo hợp đồng số 1700-LAV-200300028 ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh TP.HCM

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Thời hạn vay tối đa 8 tháng.
- Tài sản đảm bảo: vay tín chấp

<sup>(2)</sup> Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn – SAPHARCO theo các hợp đồng vay năm 2008.

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất theo từng hợp đồng vay tiền cụ thể.
- Thời hạn vay: 3 tháng.
- Tài sản đảm bảo: vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.207.691.624	8.728.706.902	(60.843.398.526)	93.000.000
Ngân hàng NN và PT Nông thôn - Chi nhánh TP.HCM	93.000.000	-	-	93.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao Dịch 2 (BIDV)	52.114.691.624	8.728.706.902	(60.843.398.526)	
Vay các tổ chức và cá nhân khác	1.722.490.475	-	-	1.722.490.475
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn – SAPHARCO	1.722.490.475	-	-	1.722.490.475
<b>Cộng</b>	<b>53.930.182.099</b>	<b>8.728.706.902</b>	<b>(60.843.398.526)</b>	<b>1.815.490.475</b>

Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Các khoản vay trên đều đã quá hạn chưa thanh toán.

Lý do chưa thanh toán cho từng khoản vay và nợ thuế tài chính

Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	-	-	-
Quỹ phúc lợi	22.415.178	-	-	22.415.178
Quỹ thưởng BĐH	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.415.178</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.415.178</b>

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	107.357.080.000	2.384.118.384	(67.351.921.147)	42.389.277.237
Tăng trong năm trước	-	-	14.504.927.521	14.504.927.521
Giảm trong năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	107.357.080.000	2.384.118.384	(52.846.993.626)	56.894.204.758
Tăng trong năm	-	-	1.218.887.108	1.218.887.108
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	107.357.080.000	2.384.118.384	(51.628.106.518)	58.113.091.866

**18b Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trần Thiện Văn	11,76%	12.623.650.000	12.623.650.000
Các cổ đông khác	88,24%	94.733.430.000	94.733.430.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>107.357.080.000</b>	<b>107.357.080.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn góp của chủ sở hữu	110.000.000.000	100%	107.357.080.000	2.642.920.000
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>107.357.080.000</b>	<b>2.642.920.000</b>

3312  
CỘ  
CH NH  
1 TOA  
HU  
S-TP

1945-C-1  
TY  
AN  
AM  
IO  
CHI MINH

**18c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	107.357.080.000	107.357.080.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	107.357.080.000	107.357.080.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**18d Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.735.708	10.735.708
Cổ phiếu phổ thông	10.735.708	10.735.708
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.735.708	10.735.708
Cổ phiếu phổ thông	10.735.708	10.735.708
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18e Cổ tức**

Trong năm, Công ty không chia cổ tức.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

8173  
IG T  
IEM H  
N V A T  
? N V I  
HỒ

1000

**18f Các quỹ của doanh nghiệp**

*Quỹ đầu tư phát triển*

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

*Quỹ khen thưởng*

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

*Quỹ phúc lợi*

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

**18g Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	(52.846.993.626)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.887.108
Phân phối trong năm:	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>(51.628.106.518)</b>

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	230,99	-	264,94	-



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	77.360.261.195	74.369.321.293
Doanh thu cho thuê tài sản	9.006.000.000	32.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.366.261.195</b>	<b>106.369.321.293</b>

#### 1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn</i>	1.287.399.034	1.026.322.475
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn</i>	122.285.712	-
<b>Cộng</b>	<b>1.409.684.746</b>	<b>1.026.322.475</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	13.343.687	311.377.481
<b>Cộng</b>	<b>13.343.687</b>	<b>311.377.481</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	67.933.453.291	63.725.254.693
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.963.585.940	1.968.373.770
<b>Cộng</b>	<b>69.897.039.231</b>	<b>65.693.628.463</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.562.916	1.161.496
Cổ tức được chia	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.562.916</b>	<b>5.001.161.496</b>

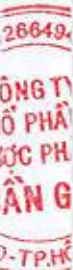
**5. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay (*)	(4.576.892.593)	6.094.338.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	108.695.407	261.457.232
<b>Cộng</b>	<b>(4.468.197.186)</b>	<b>6.355.795.439</b>

(\*) Chủ yếu là các khoản giảm lãi vay của các Ngân hàng TMCP và một số doanh nghiệp khác.

**6. Chi phí bán hàng**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.288.554.029	4.751.410.276
Chi phí vật liệu, bao bì	57.830.791	90.025.492
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.021.035	223.366.136
Chi phí mua ngoài	286.040.890	272.909.684
Chi phí khác bằng tiền	1.765.398.180	725.342.314
<b>Cộng</b>	<b>6.420.844.925</b>	<b>6.063.053.902</b>



**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.691.892.782	3.915.320.191
Chi phí đồ dùng văn phòng	198.088.924	123.377.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	60.733.572
Thuế, phí, lệ phí	404.208.921	288.196.676
Chi phí dự phòng	-	8.702.919.303
Hoàn nhập dự phòng	(2.640.610.594)	-
Chi phí mua ngoài	1.411.724.178	857.414.998
Chi phí khác bằng tiền	3.551.680.848	2.079.583.158
<b>Cộng</b>	<b>8.616.985.059</b>	<b>16.027.545.437</b>

**8. Thu nhập khác**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	163.636.364	-
Thu nhập khác	19.962.049	-
<b>Cộng</b>	<b>183.598.413</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí khác**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế (*)	467.283.258	-
Chi phí khác	1.014.951	-
<b>Cộng</b>	<b>468.298.209</b>	<b>-</b>

(\*) Quyết định xử phạt hành chính về thuế số 6146/QĐ-CT ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Cục thuế Tp.HCM, kiểm tra năm tài chính 2017-2018.





## 10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.607.108.599</b>	<b>16.912.121.017</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.493.161.258	-
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế (*)	467.283.258	-
Tiền thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	986.500.000	-
Chi phí khác	39.378.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.100.269.857	16.912.121.017
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	(16.912.121.017)
Thu nhập tính thuế	7.100.269.857	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.420.053.971	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu (*)	1.689.887.816	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.109.941.787</b>	<b>-</b>

(\*) Quyết định xử phạt hành chính về thuế số 6146/QĐ-CT ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Cục thuế Tp.HCM, kiểm tra năm tài chính 2017-2018. Đồng thời, công ty đã chuyển hết khoản lỗ lũy kế.

## 11. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.278.279.704	2.407.193.496
<b>Cộng</b>	<b>1.278.279.704</b>	<b>2.407.193.496</b>

**12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

**12a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.887.108	14.504.927.521
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.218.887.108	14.504.927.521
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	10.735.708	10.735.708
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>114</b>	<b>1.351</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.735.708	10.735.708
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
...	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>10.735.708</b>	<b>10.735.708</b>

**12b Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.218.887.108	14.504.927.521
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.218.887.108	14.504.927.521
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.735.708	10.735.708
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>114</b>	<b>1.351</b>

S.C  
 Y  
 Đ  
 T  
 U  
 V  
 I  
 E  
 T  
 C  
 H  
 I

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	10.735.708	10.735.708
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- ...	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>10.735.708</b>	<b>10.735.708</b>

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.213.292.391	64.162.023.860
Chi phí nhân công	9.980.446.811	8.666.730.467
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư	1.963.585.940	2.029.107.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.697.765.068	1.130.324.682
Chi phí khác bằng tiền	3.079.779.005	11.796.041.451
<b>Cộng</b>	<b>84.934.869.215</b>	<b>87.784.227.802</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Miễn giảm lãi vay của ngân hàng và các doanh nghiệp khác	6.646.880.458	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	108.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>114.646.880.458</b>	<b>-</b>

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**3. Thu tiền từ đi vay**

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.16)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



#### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.16)

### VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

#### 1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có tài sản cho thuê hoạt động.

#### 4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Trong năm không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

##### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, cũng như các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của công ty.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



6646  
NG T  
PHÃ  
PH  
GI  
HỒ

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.563.739.171	2.164.286.697
Thù lao	1.258.000.000	355.139.000
Chi phí hoạt động	492.000.000	-
Tiền thưởng	-	-
Các khoản phúc lợi khác	-	-
Cổ tức	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.313.739.171</b>	<b>2.519.425.697</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

**4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ;
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP US Pharma USA	Công ty có mối quan hệ cùng cổ đông
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn	Công ty liên quan đến Ông Trần Thiện Văn
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	Công ty liên quan đến Ông Trần Thiện Văn
Công ty CP Dược phẩm Mặt Trời	Công ty liên quan đến Bà Trần Ngọc Lan Trang- TGD Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn		
Bán hàng hoá	128.399.998	-
Bù trừ công nợ	(128.399.998)	-
Mua hàng hoá	795.873.190	363.518.007
Trả tiền mua hàng	(661.089.192)	(363.518.007)
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn		
Bán hàng hoá	1.351.768.986	1.077.638.599
Thu tiền bán hàng	-	77.099.799
Bù trừ công nợ	(1.351.768.986)	-
Mua hàng hoá	2.526.392.939	1.992.857.939
Trả tiền mua hàng	(1.061.494.528)	(1.026.400.537)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### Cam kết bảo lãnh

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay của các bên liên quan khác, cũng như các bên liên quan khác không dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho các khoản vay của công ty.

### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 5. Chi phí lãi vay vốn hoá

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

## 6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chi tiết	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cho thuê tài sản	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.346.917.508	9.006.000.000	86.352.917.508
Giá vốn hàng bán	67.933.453.291	1.963.585.940	69.897.039.231
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.413.464.217</b>	<b>7.042.414.060</b>	<b>16.455.878.277</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.057.943.812	32.000.000.000	106.057.943.812
Giá vốn hàng bán	63.725.254.693	1.968.373.770	65.693.628.463
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.332.689.119</b>	<b>30.031.626.230</b>	<b>40.364.315.349</b>

**6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**7. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**8. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền (51.628.106.518) VND, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 153.193.648.144 VND,... và Công ty đã có quyết định giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019, cho thấy sự tồn tại của yếu tố chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến khả năng hoạt động không liên tục của Công ty. Do đó báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

8125  
CỔ  
CÓ  
DU  
CẢ  
QUẬN 10-1  
HỒ C



## 9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang làm thủ tục giải thể theo phương án giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019.

## 10. Thông tin khác

Chi tiết về khả năng tạo tiền và thanh toán nợ phải trả, vốn chủ sở hữu cho các cổ đông và giải thích lý do về sự không so sánh được giữa thông tin của kỳ báo cáo và thông tin kỳ so sánh, cụ thể:

– Số tiền có khả năng thu hồi từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, thu hồi nợ phải thu:

Theo phương án giải thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, công ty ước tính giá bán tài sản, khoản thu hồi các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Chi tiết	Giá trị sau đánh giá ước tính tại ngày 31/12/2019 <sup>(1)</sup>	Giá trị sau đánh giá tại ngày 31/12/2018
Thu tiền từ HĐKD	5.866.890.690	4.599.883.659
Thu tiền từ bán nhà máy (cả VAT)	185.093.568.000	186.125.043.913
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.285.000.000	7.000.000.000
Phải thu cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng cổ phần của công ty Cp US Pharma USA <sup>(1)</sup>	107.357.080.000	108.000.000.000
Hàng tồn kho	3.274.662.568	5.000.000.000
Tài sản cố định	384.916.674	468.416.680
<b>Cộng</b>	<b>308.262.117.932</b>	<b>311.193.344.252</b>

<sup>(1)</sup> Đây là giá trị tạm ước tính sẽ được điều chỉnh theo thực tế phát sinh.

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu này sẽ được trừ 100% giá trị thanh toán vào giá trị còn lại phải trả cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ khi giải thể.

– Khả năng thanh toán nợ phải trả theo thứ tự ưu tiên, như khả năng trả nợ ngân sách Nhà nước, trả nợ người lao động, trả nợ vay, nợ nhà cung cấp:

Công ty thực hiện theo phương án giải thể

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty đã trả chi trả nợ cho các ngân hàng, nợ phải trả người bán...

– Khả năng thanh toán cho chủ sở hữu:

Công ty thực hiện theo phương án giải thể.

– Thời gian tiến hành thanh toán các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

Công ty thực hiện theo phương án giải thể.





Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ

Địa chỉ: Lầu 2, khu 2F-C1, toà nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lý do không so sánh được thông tin kỳ báo cáo và kỳ so sánh:

Do năm trước Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc của Công ty hoạt động liên tục. Kỳ báo cáo này vì Công ty chuẩn bị giải thể, chấm dứt hoạt động theo Phương án giải thể đã được Đại hội đồng cổ thông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2019 nên trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

NGUYỄN ANH TUẤN

Kế toán trưởng

HỒ XUÂN BÌNH

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC LAN TRANG

